TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MỸ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 / 2020/QĐST- DS	Yên Mỹ, *ngày 16 tháng 7 năm 2020*.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147; 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 13; 121; 688 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ Điều 8; 116; 134; 135; 138; 221; 223 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ Điều 26; 27 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 08 tháng 7 năm 2020, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 18/ 2019/ TLST – DS, ngày 10 / 12 / 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1969

Đều trú tại: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Trung Ch, sinh năm 1960

Bà Trần Thị D, sinh năm 1968

Chị Vũ Thị Thùy D, sinh năm 1989

Anh Vũ Ngọc S, sinh năm 1991

Đều trú tại: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Bà Ph, chị D, anh S ủy quyền cho ông Nguyễn Khắc A, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn A, xã L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng xác nhận.

- Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/11/ 2003 giữa vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Trần Thị D với vợ chồng ông Vũ Trung Ch, bà Ngô Thị Ph là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

- Vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Trần Thị D được quản lý, sử dụng thửa đất số 348, tờ bản đồ số 21, lập năm 2015, diện tích hiện trạng 136,9m^2, trong đó có 26,4m^2 đất lưu không đường ĐT 376, tại thôn Lãng Cầu, xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. (có sơ đồ kèm theo)

- Bà Nguyễn Thị Ph, chị Vũ Thị Thùy D và anh Vũ Ngọc S được quản lý, sử dụng thửa đất số 375, tờ bản đồ số 21, lập năm 2015, diện tích hiện trạng 204,6m^2, trong đó có 39,4m^2 đất lưu không đường ĐT 376, tại thôn Lãng Cầu, xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. (có sơ đồ kèm theo)

- Bà Nguyễn Thị Ph, chị Vũ Thị Thùy D và anh Vũ Ngọc S chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Trần Thị D quyền sử dụng 33,7m^2 đất, trong tổng số 204,6m^2 ở thửa 375, tờ bản đồ số 21, lập năm 2015, với giá 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn), hai bên đã tự bàn giao xong đất và tiền cho nhau.

- Diện tích đất của vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Trần Thị D được quyền quản lý, sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng của bà Ph, anh S và chị D là 170,6m^2, trong đó có 33m^2 đất lưu không đường ĐT 376. Vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Trần Thị D được quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 137,6m^2 đất, trong đó có 110,5m^2 (diện tích đã trừ lưu không 10m, tính từ mép đường ĐT 376) ở thửa 348, tờ bản đồ số 21 lập năm 2015 và 27,1m^2(diện tích đã trừ lưu không 10m, tính từ mép đường ĐT 376) nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Ph, chị Vũ Thị Thùy D và anh Vũ Ngọc S, tại thôn Lãng Cầu, xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng ông Nguyễn Đình Tú và bà Trần Thị Dĩnh phải nộp tiền thuế, phí, lệ phí... theo quy định của pháp luật. (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị Ph, chị Vũ Thị Thùy D và anh Vũ Ngọc S được quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 138m^2 đất (diện tích đã trừ lưu không 10m, tính từ mép đường ĐT 376) còn lại sau khi đã

chuyển nhượng cho ông T, bà D ở thửa 375 tờ bản đồ số 21 lập năm 2015, tại thôn Lãng Cầu, xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. (Có sơ đồ kèm theo)

- Về án phí: Các đương sự cùng thỏa thuận vợ chồng ông Nguyễn Đình T bà Trần Thị D chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm không theo giá ngạch và 5.000.000đ, án phí dân sự sơ thẩm tính theo giá ngạch, đối trừ 1.500.000đ tiền tạm ứng án phí ông Tú đã nộp tại biên lai số 0003075 ngày 10 tháng 12 năm 2019, vợ chồng ông T bà D còn phải nộp 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm). Bà Nguyễn Thị Ph chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm không theo giá ngạch, đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Phức đã nộp ở biên lai số 0003113 ngày 10 tháng 01 năm 2020, hoàn trả bà Nguyễn Thị Ph 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Yên Mỹ;
- Chi cục THA DS huyện Yên Mỹ;
- UBND xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)
NGÔ XUÂN QUỲNH